TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2026.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 676/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành C, sinh Năm: 1971.

CCCD số: 075071010189, ngày cấp 30/7/2025; Nơi cấp: Bộ C1.

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm: 1977.

CMND số: 271308765, ngày cấp 04/5/1994; Nơi cấp: Công an Đ.

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Tổ I, Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành C trình bày: Ông và bà D xây dựng gia đình với nhau từ năm 1999, có đăng kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh

Đồng Nai ngày 15/12/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng vào đầu năm 2024. Do, bất đồng quan điểm sống, bà D không quan tâm gì đến gia đình và không tôn trọng gia đình ông, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên gây gỗ, cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng không hàn gắn tiếp tục chung sống lại với nhau. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Châu T, sinh ngày 17/8/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Bị đơn bà Võ Thị Ngọc D không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành C, cho ông C được ly hôn bà Võ Thị Ngọc D.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Võ Châu T, sinh ngày 17/8/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Võ Thị Ngọc D nhưng bà D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn ông Nguyễn Thành C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Ngọc D. Nơi cư trú: Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ tạm trú: Tổ I, Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Nai. Ông C có đơn tranh chấp ly hôn với bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành C và bà Võ Thị Ngọc D kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 15/12/1999 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, ông C và bà D có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay gây gỗ, cãi vã nhau, bà D không có trách nhiệm và không tôn trọng gia đình ông, vợ chồng ông C, bà D đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, có bàn bạc đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn chung sống được với nhau. Ông C xác định, tình cảm vợ chồng hiện không còn yêu cầu được ly hôn bà D. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông C và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Châu T, sinh ngày 17/8/2000 (đã trưởng thành).

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C đối với bà Võ Thị Ngọc D về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho ông Nguyễn Thành C được ly hôn bà Võ Thị Ngọc D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Châu T, sinh ngày 17/8/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Ông Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0005376 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận : **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch (1);
- Lưu (3).

Nguyễn Tấn Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Ba **Nguyễn Thị Ngọc Đẹp** **Nguyễn Tấn Cảnh**